

GIÁ TRỊ VĂN HÓA PHẬT GIÁO QUA SÁNG TÁC VĂN HỌC CỦA THIỀN SƯ THỜI LÝ - TRẦN

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích những giá trị văn hóa truyền thống trong sáng tác văn học của các thiền sư đối với văn hóa Phật giáo Việt Nam. Cụ thể là những giá trị về tính dân tộc, lòng tự tôn dân tộc và sức tự cường, tự chủ quốc gia. Thông qua các tác phẩm văn học, các giá trị ấy thể hiện ở các khía cạnh như: thẩm mỹ, đạo đức,... Chúng được đề cao và phát triển theo suốt chiều dài lịch sử của dân tộc.

Từ khóa: Giá trị, Phật giáo, Lý - Trần, truyền thống, văn hóa.

Văn học là một loại hình nghệ thuật kết tinh những giá trị văn hóa tinh thần của con người. Xét theo nghĩa hẹp, nếu văn hóa là sự thể hiện tư tưởng và giá trị, thì văn học gắn với triết học, là những hình thái ý thức xã hội thể hiện tư tưởng, lý tưởng, sự quan tâm đến giá trị tối cao, rất ráo của con người. Xét theo đặc trưng thì văn học là sự thể hiện đời sống con người dưới hình thức hình tượng cụ thể cảm tính, sinh động, không lặp lại, không phải bằng khái niệm trừu tượng¹.

Giá trị văn hóa truyền thống trong những sáng tác văn học của các thiền sư thời Lý - Trần là giá trị về tính dân tộc, tự tôn dân tộc và sức tự cường, tự chủ quốc gia. Do đó, khi tìm hiểu về giá trị văn hóa trong những sáng tác của các thiền sư thời Lý - Trần cũng là tìm hiểu các thông tin chứa đựng trong đó về nhiều mặt: lịch sử, kinh tế, xã hội, giáo dục, và tư tưởng triết học của thời đại đó. Cho nên, giá trị văn hóa trong những sáng tác của các thiền sư Lý - Trần không chỉ có ý nghĩa đối với quá khứ mà còn cả với hiện tại. Khi đó, những đặc tính căn bản nhất, phổ biến nhất của văn hóa Đại Việt thời Lý - Trần có sức lan tỏa rộng lớn, liên quan đến mọi mặt, từ đời sống vật chất cho đến đời sống tinh thần. Và đặc tính ấy lại thể hiện đầy đủ những khía cạnh truyền thống có ý nghĩa

* Thích Quảng Tiếp, Nghiên cứu sinh khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Hà Nội.

nhân văn, nhân đạo, giáo dục nhân cách cho đến tinh thần xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

“Giá trị văn hóa Phật giáo thể hiện trong văn học thiền phái thời Lý - Trần một mặt khẳng định trình độ tư duy lý tính, trực giác rất cao trong nhận thức vũ trụ, nhân sinh của con người, mặt khác khẳng định trung tâm Tây Thiên, đối trọng với quan niệm Trung Nguyên, Trung Hoa làm trung tâm. Thơ văn thiền gia mang lại không chỉ là các thể loại văn học có giá trị như thơ, kệ, truyền đăng, ngữ lục, công án, kệ hạnh, văn thuyết lý, thực lục mà còn mang lại cho người Việt lối tư duy trực giác trong thi văn, tạo thành một dòng thơ văn thiền mang bản sắc dân tộc. Tiêu biểu cho thơ văn thiền Việt Nam là thơ của Vạn Hạnh, Trần Nhân Tông, Trần Tung, đạt đến pháp chấp, vô úy, kết hợp xuất thế và nhập thế, vừa tu hành vừa trị nước. Tư tưởng Phật giáo, Thiền tông đem lại lý tưởng sống từ bi, hỉ xả, vô úy, nhịp sống hòa cùng thiên nhiên, giúp con người an nhiên trước mọi biến đổi của xã hội, lịch sử và đời người”².

Giá trị của những sáng tác văn học Phật giáo chính là ở sự đề cao tinh thần nhập thế. Lịch sử đã cho thấy có không ít thiền sư thời Lý - Trần thể hiện trọn vẹn tinh thần vì dân vì nước. Các thiền sư xuất hiện với nhiều hoạt động khác nhau, khi thì vào vai Thái sư như Quốc sư Khuông Việt, hay người chèo đò Đỗ Thuận, lúc lại là người thầy thuốc Tuệ Tĩnh hay thợ đúc đồng Nguyễn Minh Không, thậm chí có lúc tự tại ở ngôi vị đế vương lại xông pha trước mũi tên làn đạn của ngoại bang. Đối với các ngài, hình thức cư sĩ, xuất gia, làm vua, làm quan, người chèo đò, thầy thuốc, thợ mộc hay thợ đúc đồng... chỉ là lớp áo đổi thay không dừng trên sân khấu cuộc đời, còn trong tâm niệm các ngài luôn mong mỗi đem lại ấm no hạnh phúc cho dân tộc. Vì vậy, tất cả những thiền sư đi vào cuộc đời mà không bị lợi danh quyền thế làm hoen ố vẫn đục, tâm hồn các ngài luôn thanh thoát như những đóa hoa sen thơm ngát giữa bùn lầy mà không bị bùn nhơ làm ô nhiễm đã thể hiện trọn vẹn tinh thần nhập thế.

Kế thừa và phát huy truyền thống “Đạo Phật không rời cuộc sống”, các vị vua - thiền sư thời Trần đã “đem đạo Phật đi vào cuộc đời” một cách hữu hiệu từ phương châm hành động “Lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm lòng của thiên hạ làm tâm lòng của mình”, và đã hình thành “Tinh thần nhập thế tích cực” nổi bật của lịch sử Phật giáo Việt Nam. Tuy nhập thế không phải là tính chất riêng có của Phật giáo thời Trần nhưng ảnh hưởng từ vai trò của người nhập thế đã đưa Phật

giáo thời Trần vươn tới đỉnh cao của lịch sử tư tưởng nhân loại, cũng như lịch sử Việt Nam vươn tới đỉnh cao vũ đài thế giới. Nếu vai trò nhập thế của nhà chính trị là chăm sóc dân tình, giữ gìn yên bình cho xã tắc thì vai trò nhập thế của người tu Phật là đem ánh sáng đạo Phật vào đời để giúp đời. Những nhà nhập thế tiêu biểu thời Trần như: Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông,... nhờ có sự kết hợp hài hòa đủ cả hai yếu tố nhập thế này nên mới tạo được thế đứng hiên ngang của lịch sử Việt Nam thế kỷ XIII qua những lần chiến thắng thần thánh. Bởi vì nếu cả hai vai trò nhập thế trên không cùng được thể hiện thì không dễ gì các vị vua - thiền sư Đại Việt xứng đáng được lưu truyền.

Tóm lại, sáng tác văn học Phật giáo của các thiền sư lấy sự “hướng nội” làm nền tảng, lấy “nhập thế” làm hướng đi đã hình thành phong cách sáng tác đặc biệt, không cầu kỳ, không mê hoặc, không giáo điều cứng nhắc. Đó chính là ánh sáng thực thụ Phật giáo thời Lý - Trần đủ lung linh uyển chuyển, đủ soi rọi vào tận ngõ ngách của tâm hồn mọi người. Và như vậy, tư tưởng văn học Phật giáo nhập thế trở thành tư tưởng chủ đạo và là dòng sống lưu thông trong lòng dân tộc. Kể từ đó, thiền Phật giáo không còn là thứ đặc quyền của Tăng sĩ hay chùa chiền, “chẳng kể là tại gia hay xuất gia, chẳng nề tăng hay tục, điều cốt yếu là biện tâm” Thiền Phật giáo đích thực đã trở thành linh hồn cuộc sống, linh hồn quốc gia.

Các tác phẩm văn học Phật giáo Lý - Trần đều có tinh thần điều hòa, dung hợp này. Có khi là sự kết hợp giữa Phật và Thánh (Khổng); có khi là giữa Phật với Lão - Trang để đi đến sự thống nhất. Tư tưởng Phật giáo không phải là hệ tư tưởng đóng kín trong khuôn khổ, trong quy tắc giáo điều mà là tư tưởng mở, đầy khai phóng. Nhờ thế mà các nhà tu hành có cái nhìn thông thoáng, có thái độ sống cởi mở, phá chấp. Người tu hành không bắt buộc phải cạo đầu xuất gia, phải từ giã gia đình vào chùa mà họ có thể tụ tập trong gia đình, giữa cuộc đời và cũng có thể chứng ngộ, giải thoát. Điều này thực tế lịch sử đã chứng minh. Một Trần Thái Tông, một Trần Tung (Tuệ Tung), một Trần Nhân Tông... Đó là chưa kể các thiền sư vào đời giúp vua trị nước an dân mà vẫn làm tròn bổn phận của người tu hành. Chất rộng mở phóng khoáng này còn thể hiện qua hệ thống kiến trúc nhà chùa. Nhà chùa không chỉ là chốn thâm nghiêm huyền diệu, mà ngược lại là cửa từ bi luôn rộng mở đón nhận khách thập phương, sẵn sàng cứu vớt kẻ trầm luân. Cảnh Bụt bao giờ cũng hữu tình kỳ thú, luôn là chốn đi về của những ai muốn quên đi bao nỗi phiền

muộn, bao điều trắc trở nhọc nhằn của cuộc đời. Họ đến viếng cảnh già lam để tìm sự thư thái, sự thanh thản của tâm hồn. Chắt dân chủ rộng mở ấy còn biểu hiện qua hệ thống triết lý kinh điển với chủ trương tâm không phân biệt.

Nhìn chung, sự kết hợp vừa dung hợp vừa điều hòa có phân biệt giữa tư tưởng Nho, Phật ở thời Lý - Trần đã tạo nên một lý tưởng cao đẹp với cuộc đời: lập công giúp nước, tâm hướng về Phật. Sự kết hợp ấy còn biểu tượng cho nếp sống của dân tộc. Hình ảnh chùa tháp nguy nga tráng lệ chứng tỏ quốc gia ấy thanh bình, xã hội ấy thịnh vượng và con người trong xã hội đã biết tôn trọng, giữ gìn những giá trị văn hoá tinh thần, do vậy mới có những tác phẩm ca ngợi đạo lý cao thâm huyền diệu.

Hơi hướng thơ thiền thời Lý - Trần ảnh hưởng sâu rộng đến văn học Phật giáo qua những tác phẩm chữ Nôm thế kỷ XVIII, thường được nhắc đến như: *Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm...*

Trong *Cung Oán Ngâm Khúc*, Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều đã để người cung phi nói lên nhân sinh quan của nhà Phật thể hiện tính Thiền rõ nét. Nhân sinh ấy là sự vô thường và nỗi khổ đau của kiếp sống đã nhiều lần xuất hiện trong thơ văn của thiền sư thời Lý - Trần:

Tuồng ảo hóa đã bày ra đấy
 Kiếp phù sinh trông thấy mà đau
 Trăm năm còn có gì đâu?
 Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì³.

Hoặc Nguyễn Công Trứ, cũng nhìn cuộc đời là mộng ảo, nhân sinh như bọt nước làn mây:

Ôi nhân sinh là thế ấy như bóng đèn
 Như mây nổi như gió thổi chiêm bao,
 Ba mươi năm hưởng thụ biết chừng nào,
 Vừa tỉnh giấc nôi kê chưa chín⁴.

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa Phật giáo và văn hóa dân tộc, Trần Văn Giàu đã nhận định: “Bình minh của dân tộc ta đã gắn liền với Phật giáo. Phật giáo là ngọn đuốc văn minh ở xứ ta”⁵. Tư tưởng, đạo đức Phật giáo đã được vận dụng, được thực hành ngay trong đời sống thường nhật của mọi tầng lớp nhân dân, từ vua quan cho đến thứ dân, điển hình như ở

thời Lý - Trần qua các thiền sư Vạn Hạnh, Không Lộ, Ni sư Diệu Nhân, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang... Chính sự thực hành thiền định, thực hành Phật pháp như thế nên đã nhận chân đến cùng duyên khởi, vô thường, vô ngã của sự vật, hiện tượng và thân phận con người. Tinh thần đó cũng đã đi vào văn học, để văn học giai đoạn này có những bài thơ với cảm hứng rất khác lạ: thanh thoát, hùng tráng, dịu hiền và trong sáng là kho tàng góp phần làm giàu có và phong phú cho nền văn học Phật giáo hiện nay.

Có rất nhiều sáng tác thơ văn Phật giáo ở thế kỷ XX, XXI mang hơi hướng thiền, hay nói cách khác là sự tái hiện tinh thần văn học của các thiền sư Phật giáo Lý - Trần, tiêu biểu như: Trần Quê Hương (bút danh của Hòa thượng Thích Giác Toàn) với những tập thơ thiền tiếp nối tinh thần vô úy của thiền sư Lý - Trần: *Bút nở hoa thiền* (1969), *Suối về Hoa Nghiêm* (1974), *Tặng phẩm dâng đời* (1974), và các khảo luận văn học *Thẩm mỹ Phật giáo thời Lý - Trần qua văn chương* (2006), *Những sáng tác văn học của các thiền sư Lý - Trần* (2009), *Tâm Hồng mười phương* (2012)... và đặc biệt tác giả đã chuyển thơ các tác phẩm của thiền sư thời Lý - Trần sang thể thơ lục bát từ nhiều thể thơ gốc thất ngôn, ngũ ngôn, phú, tản văn... được sáng tác bằng chữ Hán và chữ Nôm qua tác phẩm *Hương Thiền Ngàn Năm* (2010). Ví dụ, bài *Kệ Thị Tịch* của Thiền sư Vạn Hạnh được chuyển dịch như sau:

Kệ Thị Tịch

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
 Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô,
 Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
 Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.
 Được chuyển dịch thành:

Thân chứng

Thân như ánh chớp hoàng hôn
 Ngàn cây xuân thắm, thu buồn mênh mông
 Dòng đời suy thịnh... có không
 Thịnh suy như giọt sương đông đầu cành⁶.

Hoặc những ý thơ của tác giả Y Sa khi xúc cảm về thơ thiền Lý - Trần:

Hương thiên rót giữa ngàn năm
 Có chi cuộc hẹn thăng trầm đây với
 Qua đây đất đất trời trời
 Qua đây ta với cuộc chơi vô thường
 Qua đây nẻo nẻo đường đường
 Qua đây ta với vô thường cuộc chơi⁷.

Có thể nói, trong mỗi giai đoạn lịch sử của dân tộc, khi đọc lại tinh thần văn thơ thiền sư Lý - Trần đều để lại cho hậu thế những cảm nhận dịu ngọt lẫn đắng cay, nhưng nổi bật và trường cửu chính là sự vững chãi không lay động của tâm thức, sự sáng suốt cởi mở của trí tuệ, lòng bao dung của con người:

Thân như ánh chớp vậy
 Chùa nay hoa lại hoa
 Ngàn năm giọt sương cũ
 Vạnh Hạnh vẫn thêm qua!
 Viên Chiếu - viên trăng chiếu
 Chiếu chiếu - tâm vẫn tâm
 Đên nửa vườn Lan Nhã
 Tụng thơ - giọt sương ngâm.
 Huyền Quang - huyền huyền mãi
 Yên Tử - trúc không tâm⁸.

Bên cạnh đó còn có các trước tác của Thích Nữ Diệu Không (Hồ Thị Hạnh, 1905 - 1997) với hồi ký *Đường Thiền sen nở* (2009), do Nxb. Lao động, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội ấn tống. Tác phẩm cũng mang đậm hơi hướng Thiền học theo tinh thần cư trần lạc đạo của các thiền sư Lý - Trần.

Ta nhớ mùa xuân nào ở với ta
 Là xuân đạo lý phải đây mà
 Thân tâm thanh tịnh màu xuân sắc
 Cảnh lặng tâm yên cảnh đậm đà
 Xuân đến xuân đi xuân bất diệt

Sắc không đời đời, sắc không phai
 Hỡi ai ai nhớ xuân muôn thuở
 Xuân tại lòng ta mới thật là (1988)⁹.

Ngoài ra, còn phải kể đến những sáng tác văn học Phật giáo của Hoàng Quang Thuận với *Thi Vân Yên Tử* và *Hoa Lu Thi Tập* (2014), Nxb. Giáo dục Việt Nam ấn hành, đều lấy nguồn cảm hứng từ áng thơ văn của các Thiền sư Lý - Trần. Ví dụ:

Thiền sư Không Lộ

Không Lộ thiền sư gánh nước tiên
 Đò xôi cúng Phật tối ngời thiền
 Sáng ra chân núi tìm đốn củi
 Gánh củi to dài cả mái hiên¹⁰

Thi Vân Yên Tử ra đời là kết quả của sự rung động, thăng hoa cảm xúc trước vẻ đẹp cuốn hút của miền đất Phật. Bằng tấm lòng chân thành, tác giả Hoàng Quang Thuận không chỉ viết cho mình mà còn viết cho người, cho đời.

Sự tĩnh tâm để hướng vọng về cõi Thiền là cảm xúc chung của mỗi người khi tiếp nhận *Thi Vân Yên Tử*. Đó còn là sự liên tưởng đến những vần thơ Thiền trong quá khứ. Bởi lẽ, Phật giáo đã tồn tại song hành và gắn liền với dân tộc Việt Nam hơn 20 thế kỷ. Qua kinh nghiệm giác ngộ triết lý của đạo Phật và được gạn lọc qua nhiều tầng vĩa của ngôn ngữ thi ca Việt Nam, thơ Thiền đối với kho tàng văn hóa dân tộc đã biểu hiện một sắc thái độc đáo, riêng biệt.

Thế kỷ IX đã có tác phẩm của Thiền sư Khuông Việt, đến thế kỷ X lại có thơ thiền của Thiền sư Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Huệ Sinh, Mãn Giác, sang thế kỷ XI, XII, Thiền sư Đạo Hạnh, Không Lộ, Diệu Nhân, Huyền Quang... cũng sáng tác nhiều bài thơ Thiền để đời.

Tiếp đó, các thiền sư phái Trúc Lâm: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Chân Nguyên trong các thế kỷ từ XIII đến XVI nối tiếp phát triển thơ Thiền lưu lại hậu thế.

Thơ Thiền còn được gọi là Kệ và dùng để tụng, ngợi ca nhằm khẳng định giáo lý, kinh nghiệm, truyền tâm pháp cho đệ tử. Hiện nay, các nhà

nghiên cứu gọi chung thơ Phật giáo là thơ Thiền nhưng quan niệm về thơ Thiền lại khác nhau.

Theo Nguyễn Duy Hình, thơ Thiền về hình thức chịu ảnh hưởng Phật giáo, còn nội dung bàn về sinh, tử, vô, hữu, tâm, phật... và mang những rung động thơ ca có tính trần thế. Theo Bùi Công Tuấn, thơ Thiền là tư tưởng. Cốt lõi tư tưởng thơ Thiền là giáo lý Phật giáo.

Với Trần Đình Sử thì thơ Thiền đang còn là một bí ẩn và phải có ba tính chất: truyền đạt được cách cảm nhận thế giới của Thiền học, bộc lộ được vẻ đẹp của tâm hồn và là thơ của tầng lớp tăng lữ cao cấp, tầng lớp trí thức đặc biệt.

Mặc dù có nhiều quan niệm khác nhau về thơ Thiền nhưng tất cả đều giống nhau ở chỗ cho rằng mọi quan niệm nhận thức thơ Thiền đều xuất phát từ tiêu chí nội dung phản ánh của nó. Từ việc biểu đạt một nội dung xác định, thơ Thiền lựa chọn cho mình những đề tài, chủ đề phản ánh riêng. Nó không đề cập tới cuộc sống nói chung mà đề cập tới một phạm vi nhất định của cuộc sống có ảnh hưởng Phật giáo. Nó không bộc lộ thái độ của tất cả mọi người nói chung trước cuộc sống mà là thái độ của những con người chịu ảnh hưởng tư tưởng của Phật giáo với cuộc sống hiện thực.

Xuyên suốt trong tiến trình tồn tại, thơ Thiền đã bao quát một dung lượng rộng lớn trong việc thể hiện triết lý của Đạo phật và tâm hồn, tình cảm của con người. Đó là sự ca ngợi con người siêu việt, thăng hoa vào linh không bằng đốn ngộ, đồng thời cũng biểu hiện ý thức về sự hiện hữu của con người theo quan điểm triết học Phật giáo. Những quan điểm ấy giúp con người có thái độ điềm nhiên trước cái chết, trước sự tàn phai biến ảo của cuộc đời. Vì vậy, thơ Thiền đã đem đến những tâm hồn yêu đời, vui sống chan hòa giữa chốn đồng quê, sống có trách nhiệm với khát vọng tiêu dao. Đó chính là giá trị nhân bản sâu sắc mà các tác giả thiền sư - thi sĩ gửi gắm tạo nên bóng dáng con người với những phẩm chất tốt đẹp, có ý chí, nghị lực và niềm tin mãnh liệt vào bản thân, có trái tim biết yêu thương, rung động sâu xa.

Tóm lại, ý nghĩa của những đóng góp từ các giá trị văn hóa Đại Việt do các thiền sư Lý - Trần tạo dựng qua các sáng tác văn học Phật giáo là vô cùng quan trọng. Các thiền sư luôn đề cao trí tuệ, tinh thần nhập thế, hướng đến giải quyết những vấn đề có tính thế tục trên mọi bình diện tư tưởng và

tôn giáo, giáo dục và khoa cử cũng như văn học và nghệ thuật. Vượt lên tất cả điều đó là sự thể hiện các vấn đề cơ bản của giáo lý vô thường: Chân Như; Sắc - Không; Vô trụ; Vô ngã - Vị tha... Đó còn là những biểu hiện đặc trưng trong một giai đoạn cực thịnh của Phật giáo nước nhà thông qua những đại biểu là những thiền sư đạt đạo. Bằng sự giác ngộ và tài năng xuất chúng, các thiền sư đã có những cống hiến lớn lao trong việc phát triển Phật giáo nói riêng và cho nền độc lập dân tộc Đại Việt nói chung. Trong con người họ không có chỗ cho cái ta vị kỷ mà chỉ có tâm lòng phụng sự trọn vẹn cho tha nhân, mọi hành động của họ hoàn toàn vì dân, vì nước. Điều này được minh chứng qua triều đại Lý - Trần. Chủ trương của Phật giáo là luôn thể nhập vào cộng đồng xã hội để cùng xây dựng tinh thần đoàn kết dân tộc. Đồng thời, các thiền sư cũng mang tinh thần giải thoát khai mở nhân tâm hướng thiện. Trên con đường đó, trí tuệ của đạo Phật và ý thức dân tộc cùng hội tụ một thể thống nhất đó là “Đạo Pháp - Dân Tộc”./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Ngô Đức Thịnh (2010), *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 390.
- 2 Ngô Đức Thịnh (2010), *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*, sđd: 400.
- 3 Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2010), *Phật giáo đời Lý*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 312.
- 4 Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2010), *Phật giáo đời Lý*, sđd: 312.
- 5 Trần Văn Giàu (1993), *Đạo đức Phật giáo trong thời hiện đại*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh: 15.
- 6 Thích Giác Toàn (2010), *Hương Thiền Ngàn Năm*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh: 31.
- 7 Thích Giác Toàn (2010), *Hương Thiền Ngàn Năm*, sđd: 675.
- 8 Thích Giác Toàn (2010), *Hương Thiền Ngàn Năm*, sđd: 677.
- 9 Thích Nữ Diệu Không (2009), *Đường thiền sen nở - Hồi ký*, Nxb. Lao động, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội: 164.
- 10 Hoàng Quang Thuận (2014), *Thi Văn Yên Tử, Hoa Lư Thi Tập*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội: 108.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Minh Chi (2005), “Phật giáo Việt Nam hiện nay học tập và tiếp thu được gì ở Phật giáo đời Trần”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, tr. 31 - 35.
2. Nguyễn Huệ Chi (1977), “Trần Tung, một gương mặt lạ trong làng thơ Thiền thời Lý - Trần”, *Văn học*, số 4, tr. 116 - 121.

3. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (Nhiều tác giả, 2010), *Phật giáo đời Lý*, Tủ sách Phật giáo và Dân tộc, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (Nhiều tác giả, 2011), *Phật giáo đời Trần*, Tủ sách Phật giáo và Dân tộc, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Viện Văn học (1993), *Tuệ Trung Thượng Sỹ với Thiền tông Việt Nam*, Trung tâm nghiên cứu Hán Nôm - Viện Khoa học xã hội Việt Nam ấn hành, Hà Nội.

Abstract

THE CULTURAL VALUE OF BUDDHISM THROUGH LITERATURE BY THE ZEN BUDDHIST MONKS UNDER LÝ - TRẦN PERIOD

This article analyses traditionally cultural values in composing literature of the Zen masters in Buddhist culture of Vietnam. These values include nation's characteristics, dignity, taking strong by its own forces, having self-control. Through the literature, these values were manifested in some aspects such as morality, aesthetics... They were appreciated and developed in the history of the nation.

Keywords: Buddhism, culture, Lý - Trần, tradition, value.